TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung
giữa bà T và ông L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 6, xã HS, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. " vắng mặt"

Bị đơn: Ông Nguyễn Trúc L, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 6, xã HS, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12 tháng 3 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trúc L đăng ký kết hôn ngày 30/9/1997 tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống

khác nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Nay bà T đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông L.

Về con chung: bà T khai nhận vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/4/1999 và anh Nguyễn Thế D, sinh ngày 04/02/2006. Hiện nay anh Cđã lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T nhất trí để anh D cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 21/6/2023, quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên Tòa ông Nguyễn Trúc L trình bày:* Ông L đồng ý với lời trình bày của bà T về thời gian tìm hiểu, chung sống, kết hôn. Quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày là đúng. Từ tháng 3 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, bà T làm đơn xin ly hôn, ông L không nhất trí vì con chung chưa lập gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 27/4/1999 và anh Nguyễn Thế D, sinh ngày 04/02/2006. Hiện nay anh C đã lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L xin nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng anh D, không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông L xác nhận hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà T và ông L có mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trúc L là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã HS, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 30/9/1997.Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà T làm đơn xin ly hôn với ông L. Ông L không nhất trí ly hôn vì cho rằng con chung chưa lập gia đình và mong muốn gia đình đoàn tụ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông L thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay nhưng hai bên không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu

khởi kiện xin ly hôn của bà T với ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: ông L và bà T cùng khai nhận vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Văn Chức, sinh ngày 27/4/1999 và anh Nguyễn thế D, sinh ngày 04/02/2006. Hiện nay anh Cđã lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai bên có ý kiến thống nhất để ông Nguyễn Trúc L nuôi dưỡng trực tiếp anh D, bà T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông L.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, yêu cầu của đương sự, nguyện vọng của con chung thì thấy: Nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của ông L là hoàn toàn chính đáng, ông L là người khỏe mạnh, anh D là con trai đang ở độ tuổi tâm sinh lý phát triển, cần sự quan tâm, chăm sóc của người bố, bà T, ông L cùng có nguyện vọng để anh D cho ông L nuôi dưỡng, đồng thời, anh D cũng có nguyện vọng xin được ở với bố nên cần giao anh Nguyễn Thế D cho ông Nguyễn Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T, ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trúc L.

2.Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là anh Nguyễn Thế D, sinh ngày 04/02/2006 cho ông Nguyễn Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. (Hiện con chung đang sống cùng bà T, ông L).

3.Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002675 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định ;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Hải Sơn;
- Đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng